

**CÔNG TY TNHH KING TECH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KING TECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KING TECH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KING TECH LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109873193

**3. Ngày thành lập:** 30/12/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 16 ngách 106/2, ngõ 106 Trần Bình, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0812118285

Fax:

Email: [ctkingtech@gmail.com](mailto:ctkingtech@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                               | 4620     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: bán buôn thủy sản                                                                                   | 4632     |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                | 4641     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659     |
| 6.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu                                       | 4661     |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                      | 4662     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                             | 4663     |
| 9.  | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp                                                                              | 0210     |
| 10. | Khai thác gỗ<br>(Trừ các loại gỗ Nhà nước cấm)                                                                                      | 0220     |
| 11. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                         | 0322     |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh | 8299     |
| 13. | Lập trình máy vi tính                                                                                                               | 6201     |
| 14. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                 | 6202     |
| 15. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                     | 6209     |

|     |                                                                                                                                                                    |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Chi tiết: Cung cấp trực tuyến phần mềm (ứng dụng và cung cấp các dịch vụ ứng dụng)                           | 6311        |
| 17. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: - Thiết lập website thương mại điện tử bán hàng -<br>Thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử                             | 6312        |
| 18. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm) | 6619        |
| 19. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                         | 6810(Chính) |
| 20. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                       | 6820        |
| 21. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);                                           | 7020        |
| 22. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                           | 7320        |
| 23. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Môi giới chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ                  | 7490        |
| 24. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                    | 0810        |
| 25. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                            | 1020        |
| 26. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                     | 1610        |
| 27. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                  | 1621        |
| 28. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                            | 1622        |
| 29. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                            | 4791        |
| 30. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);                                                | 5510        |
| 31. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                              | 5610        |
| 32. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                           | 5621        |
| 33. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                               | 5629        |
| 34. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar)                                                                                                     | 5630        |
| 35. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                 | 5820        |
| 36. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                     | 7730        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 37. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                          | 7911 |
| 38. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                   | 7912 |
| 39. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                           | 3100 |
| 40. | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá                                                                                         | 3530 |
| 41. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                       | 3600 |
| 42. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                           | 3700 |
| 43. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                          | 3811 |
| 44. | Thu gom rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                    | 3812 |
| 45. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                | 3821 |
| 46. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                                      | 3822 |
| 47. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                       | 3900 |
| 48. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 49. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 50. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 51. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4763 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                               | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÙ Y HÀ        | Việt Nam  | Số nhà 16 ngách 106/2, ngõ 106 Trần Bình, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 500.000.000           | 50,000    | 001178017115                                                                                            |         |
| 2   | LÝ BÁ HẢI      | Việt Nam  | Số 282 tổ 42, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | 500.000.000           | 50,000    | 036075004658                                                                                            |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÝ BÁ HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/05/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036075004658

Ngày cấp: 17/12/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 282 tổ 42, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 2605 – T1 – Tòa nhà TSQ, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội